

Số: 16 /2016/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 19 tháng 8 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý giai đoạn 2017 - 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHOÁ VII, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/09/2015 ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 – 2020;

Xét Tờ trình số 2991/TTr-UBND ngày 01/8/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Đề án Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý giai đoạn 2017-2020; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý giai đoạn 2017-2020.

Điều 2.

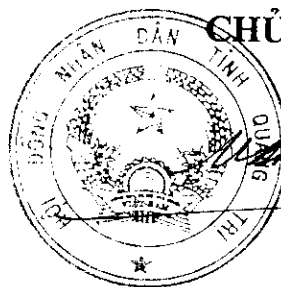
Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VII, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 19 tháng 8 năm 2016 và có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày thông qua. *2*

Nơi nhận:

- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Bộ KHĐT. Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Bộ Tư lệnh Quân khu 4;
- TVTU, TTHĐND, UBND, UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; TAND, VKSND tỉnh;
- VP TU, LĐVP HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Báo Q.Trị và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hùng

QUY ĐỊNH

**Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển
nguồn vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý giai đoạn 2017-2020**
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 16 /2016/NQ-HĐND
ngày 19/8/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị)*

I. Phạm vi và đối tượng áp dụng:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý giai đoạn 2017-2020 là căn cứ để lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý giai đoạn 2017-2020 (không bao gồm vốn thu từ tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết và các nguồn huy động hợp pháp khác). Đồng thời, là căn cứ để quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý;
- b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hằng năm nguồn vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý giai đoạn 2017-2020.

II. Nguyên tắc chung:

1. Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Việc phân bổ vốn đầu tư phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế-xã hội 5 năm giai đoạn 2017-2020 của tỉnh; ưu tiên các ngành kinh tế trọng điểm, có tính lan tỏa, các lĩnh vực không có khả năng hoàn vốn trực tiếp và các lĩnh vực chỉ được đầu tư chủ yếu từ nguồn vốn đầu tư công. Đồng thời, xem xét mối tương quan hợp lý giữa các địa phương, các địa bàn kinh tế trọng điểm, với việc ưu tiên hỗ trợ các vùng miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc, hải đảo và các vùng khó khăn để hướng tới sự phát triển hài hòa giữa các vùng, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trong tỉnh và mối tương quan hợp lý giữa đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội và phục vụ bảo đảm an ninh-quốc phòng.

3. Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác; bảo đảm các cân đối vĩ mô, ưu tiên an toàn nợ công.

4. Bố trí vốn đầu tư tập trung, bảo đảm hiệu quả đầu tư, ưu tiên đủ vốn để thanh toán các khoản nợ và khoản ứng trước năm kế hoạch; bố trí vốn đối ứng cho các dự án ODA, đối ứng các chương trình, dự án Trung ương đầu tư trên địa bàn, ưu đãi đầu tư trên địa bàn; bố trí vốn cho các dự án trọng điểm, các dự án hoàn thành trong kỳ kế hoạch. Đảm bảo thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành các dự án nhóm B có tổng mức đầu tư dưới 800 tỷ đồng không quá 5 năm, các dự án nhóm C không quá 3 năm.

5. Đảm bảo các quy định hiện hành về quản lý đầu tư và xây dựng. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

6. Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển.

III. Nguyên tắc phân bổ cụ thể theo dự án (áp dụng chung cho cấp tỉnh và cấp huyện):

1. Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản nguồn vốn NSNN và trả nợ vay, hoàn trả vốn đã ứng trước; thanh toán cho các dự án đầu tư đã được phê duyệt quyết toán;

2. Bố trí đủ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư; lập, thẩm định, quyết định đầu tư các dự án khởi công mới;

3. Bố trí cho các công trình hoàn thành trong năm kế hoạch;

4. Đối ứng các dự án ODA, NGO;

5. Bố trí vốn hỗ trợ đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP) của địa phương;

6. Bố trí cho các công trình chuyển tiếp, dở dang của giai đoạn 2011-2015 chuyển sang giai đoạn 2016-2020;

7. Đảm bảo bố trí đủ vốn đối ứng (thuộc trách nhiệm của địa phương) các công trình, dự án được Trung ương đầu tư trên địa bàn theo đúng các quy định của Trung ương đối với từng nguồn vốn;

8. Số vốn còn lại bố trí cho các dự án mới trong giai đoạn 2017-2020.

IV. Tiêu chí phân bổ:

1. Việc phân bổ vốn đầu tư cho cấp huyện theo 5 nhóm tiêu chí sau đây:

a) Tiêu chí dân số: Bao gồm số dân trung bình và số người dân tộc thiểu số.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển: Bao gồm tỷ lệ hộ nghèo và số thu nội địa (không bao gồm khoản thu sử dụng đất).

c) Tiêu chí diện tích: Bao gồm diện tích đất tự nhiên của địa phương và tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên.

d) Tiêu chí về đơn vị hành chính: Bao gồm số đơn vị hành chính cấp xã hoặc huyện đảo Côn Cỏ; số xã miền núi, vùng cao, bãi ngang; số xã biên giới đất liền.

đ) Các tiêu chí bổ sung: Bao gồm thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị và huyện ĐaKrông.

2. Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể:

2.1. Tiêu chí dân số: Cách tính cụ thể như sau:

a) Điểm của tiêu chí dân số trung bình

Dân số trung bình	Điểm
Đến 50.000 người được tính	5
Trên 50.000 người, cứ tăng thêm 10.000 người được thêm	1,5

Dân số trung bình của các huyện để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê năm 2014.

b) Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số

Số dân	Điểm
Cứ 2.000 người được tính	0,6

Số người dân tộc thiểu số của các huyện để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê năm 2009 (tổng điều tra dân số 01/4/2009).

2.2. Tiêu chí về trình độ phát triển: Cách tính như sau:

a) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Tỷ lệ hộ nghèo dưới 5%	2
Cứ thêm 1% thì được tính thêm	0,2

Tỷ lệ hộ nghèo được xác định căn cứ số liệu đầu năm 2015 được phê duyệt tại Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 06/01/2015 của UBND tỉnh.

b) Điểm tiêu chí thu nội địa:

Thu nội địa (không bao gồm khoản thu sử dụng đất)	Điểm
Đến 10 tỷ đồng	1
Trên 10 tỷ đến 25 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm được tính	1,2
Trên 25 tỷ đến 50 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm được tính	1,5
Trên 50 tỷ đến 100 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm được tính	1,8
Trên 100 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm được tính	2

Số thu nội địa (không bao gồm khoản thu từ sử dụng đất) được xác định căn cứ vào số thực hiện năm 2015 do Sở Tài chính cung cấp.

3. Tiêu chí diện tích: Cách tính như sau:

a) Diện tích tự nhiên:

Diện tích tự nhiên	Điểm
Dưới 200 km ² được tính	3
Từ 200 km ² trở lên, cứ tăng thêm 100 km ² được tính thêm	0,2

Diện tích đất tự nhiên xác định điểm lấy theo số liệu diện tích đất tự nhiên do Cục Thống kê công bố năm 2010 (Kiểm kê đất - Sở TN-MT năm 2010).

b) Diện tích đất trồng lúa:

Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên	Điểm
Đến 5%	2
Từ trên 5% đến 10%, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính	0,2
Trên 10% trở lên, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính	0,3

Diện tích đất trồng lúa xác định điểm lấy theo số liệu diện tích đất trồng lúa do Cục Thống kê công bố năm 2010 (Kiểm kê đất - Sở TN-MT năm 2010).

4. Tiêu chí đơn vị hành chính:

Đơn vị hành chính cấp xã	Điểm
Cứ 1 xã, phường, thị trấn hoặc huyện đảo Côn Cỏ được tính	1
Cứ 1 xã miền núi, vùng cao, bãi ngang được tính thêm	0,2
Cứ 1 xã biên giới đất liền được tính thêm	0,3

Số liệu đơn vị hành chính, xã biên giới, xã bãi ngang, xã miền núi, vùng cao được xác định căn cứ vào số liệu do Sở Nội vụ cung cấp năm 2015.

5 Các tiêu chí bổ sung:

Đơn vị hành chính thành phố, thị xã	Điểm
Thành phố Đông Hà	30
Thị xã Quảng Trị	20
Huyện Đakrông	20

PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH CÂN ĐỐI CẤP HUYỆN QUẢN LÝ GIAI ĐOẠN 2017-2020

	Huyện, thành phố, thị xã	GĐ 2011-2015		GĐ 2017-2020	
		Số điểm theo NQ 19	Tỷ lệ (%)	Số điểm điều chỉnh	Tỷ lệ (%)
	TỔNG SỐ	425,8	100,0	491,8	100,00
1	Thành phố Đông Hà	70,7	16,6	95,1	19,34
2	Thị xã Quảng Trị	29,7	7,0	41,1	8,36
3	Huyện Vĩnh Linh	51,7	12,1	49,7	10,11

4	Huyện Hương Hóa	63,4	14,9	66,6	13,54
5	Huyện Gio Linh	46,5	10,9	44,4	9,03
6	Huyện Đakrông	46,5	10,9	66,9	13,60
7	Huyện Cam Lộ	26,9	6,3	25,0	5,08
8	Huyện Triệu Phong	45,5	10,7	45,6	9,27
9	Huyện Hải Lăng	44,9	10,5	47,4	9,64
10	Huyện đảo Cồn Cỏ	0,0	0,0	10,0	2,03

V. Định mức phân bổ vốn đầu tư giữa các ngành, đơn vị cấp tỉnh và các huyện, thành phố, thị xã:

Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương năm 2016 được Thủ tướng Chính phủ giao cho tỉnh là 360.100 triệu đồng.

Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương các năm 2017-2020 trong thời kỳ ổn định giai đoạn 2017-2020: tăng 10% so với dự toán được giao năm trước (theo Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 05/8/2014 và Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ).

Căn cứ vào mức giao vốn đầu tư phát triển trong cân đối do địa phương quản lý của Thủ tướng Chính phủ hàng năm (Không bao gồm vốn trái phiếu Chính phủ, vốn hỗ trợ có mục tiêu, vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, xổ số kiến thiết, đầu tư từ tiền sử dụng đất), sau khi trừ đi các khoản:

1. Bố trí dự phòng 10% để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn theo quy định tại khoản 6, Điều 54 Luật Đầu tư công và khoản 2, Điều 7 Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015, bao gồm:

- Xử lý trượt giá sau khi đã sử dụng hết số vốn dự phòng trong tổng mức đầu tư được duyệt của từng dự án theo quy định của pháp luật

- Bổ sung đầu tư dự án khẩn cấp và dự án cần thiết mới phát sinh; đối ứng cho chương trình, dự án ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài chưa có trong danh mục kế hoạch đầu tư trung hạn;

- Xử lý các vấn đề cấp bách khác trong quá trình triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn.

2. Bố trí cho khoa học-công nghệ và giáo dục-đào tạo theo đúng tỷ lệ quy định của Trung ương và của HĐND tỉnh;

3. Trả nợ vốn vay, vốn tạm ứng do tỉnh đảm nhận chung (KCH kênh mương và GTNT, các khoản vay theo chủ trương của Chính phủ, tạm ứng ngân sách tỉnh);

4. Đối ứng các chương trình, dự án Trung ương đầu tư trên địa bàn (thuộc trách nhiệm của địa phương) theo đúng các quy định của Trung ương đối với từng nguồn vốn. Trong đó ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đã cơ bản

hoàn thành trong giai đoạn 2011-2015 để đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả đầu tư;

5. Hỗ trợ ưu đãi đầu tư trên địa bàn.

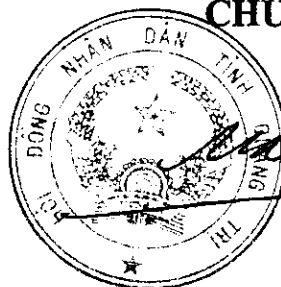
Phần còn lại được phân bổ theo tỷ lệ giữa cấp tỉnh và cấp huyện như sau:

- Tỉnh quản lý: 60% đầu tư vào các công trình, dự án do tỉnh quyết định đầu tư và hỗ trợ có mục tiêu đối với một số chương trình, dự án cấp thiết, cấp bách ở cấp huyện.

- Các huyện, thành phố, thị xã quản lý: 40% đầu tư vào các công trình, dự án do cấp huyện quyết định đầu tư và đối ứng các công trình, dự án hỗ trợ theo chính sách riêng của tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành liên quan chỉ đạo tổ chức thực hiện việc phân bổ và quản lý sử dụng vốn xây dựng cơ bản do địa phương quản lý đúng tỷ lệ và hiệu quả. ✓

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hùng